

Bản án số: 125/2019/HS-ST

Ngày: 19-11-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ma Thị Tuyết Mai

Các hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Oanh

Ông Nguyễn Văn Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Hồng Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương tham gia phiên tòa: Ông Vũ Mạnh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 117/2019/TLST-HS, ngày 16 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2019/QĐXXST-HS, ngày 25 tháng 10 năm 2019; quyết định hoãn phiên tòa số: 43/2019/HSST- QĐ, ngày 08 tháng 11 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Đàm Văn H, sinh ngày 14/01/1979 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Thôn D, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn): 04/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đàm Văn Q1 và bà Phan Thị L1; có vợ Vũ Thị A (đã chết) và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 27/7/2019 đến ngày 04/8/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện nay bị cáo tại ngoại (có mặt).

2. Ninh Văn Q, sinh ngày 10/11/1963 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Thôn C, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 07/10; dân tộc: Cao Lan; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ninh Văn X (Đã chết) và bà Ninh Thị N; có vợ Trần Thị L2 và 03 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 27/7/2019 đến ngày 04/8/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện nay bị cáo tại ngoại (có mặt).

3. Ninh Văn L, sinh năm: 1963 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Thôn C, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 05/10; dân tộc: Cao Lan; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ninh Văn V và bà Dương Thị Y (đều đã chết); có vợ Diêu Thị H1 (đã chết) và 06

con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 27/7/2019 đến ngày 04/8/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện nay bị cáo tại ngoại (có mặt).

4. Phan Duy Đ1, sinh năm: 1986 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Thôn C, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Duy Đ2 và bà Lý Thị K; có vợ Vũ Thị D1 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (vào đảng ngày 01/6/2014, chính thức ngày 01/6/2015, hiện đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo quyết định số 173-QĐ/UBND THU, ngày 14/11/2019 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy Sơn Dương). Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

5. Ninh Văn T1, sinh ngày 03/9/1978 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang

Nơi cư trú: Thôn C, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ninh Văn M và bà Âu Thị N1; vợ là Trần Thị K1 và 01 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

6. Trần Văn L3, sinh ngày 06/3/1967 huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Thôn N2, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 06/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn C1 và bà Vũ Thị D2 (đều đã chết); có vợ là Ninh Thị H2 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

7. Trần Văn K2, sinh ngày 01/11/1979 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang

Nơi cư trú: Thôn P, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 04/12; dân tộc: Cao Lan; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Đ3 và bà Trần Thị V1 (Đều đã chết); có vợ là Lý Thị T2 và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 15/01/2018, bị Công an huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang xử phạt hành chính về hành vi Mua bán số lô số đề trái phép, (bị cáo đã nộp phạt ngày 15/01/2018). Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

- Người bào chữa cho các bị cáo Đàm Văn H, Ninh Văn Q, Ninh Văn L, Ninh Văn T1, Trần Văn L3, Trần Văn K2: Ông Nguyễn Văn Thăng - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 00 giờ 30 phút ngày 27/7/2019, Tổ công tác của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Sơn Dương phối hợp cùng Công an xã Đ tiến hành bắt người phạm tội quả tang đối với 03 đối tượng là Đàm Văn H, Ninh Văn Q và Ninh Văn L đang đánh bạc hình thức chơi ba cây sát phạt nhau bằng tiền. Tang vật thu giữ gồm: 5.270.000 đồng (thu trên chiếu bạc), 01 chiếc chiếu bằng vải có hoa văn màu vàng, 36 quân bài tú lơ khơ, 01 ví giả da màu đen của Phan Duy Đ1 bên trong có 01 giấy phép lái xe A1 mang tên Phan Duy Đ1 và 7.400.000đ (bảy triệu bốn trăm nghìn đồng). Ngoài ra, Đàm Văn H lấy trong ví da màu vàng tự giao nộp 1.500.000 đồng, Ninh Văn L tự giao nộp 150.000 đồng là tiền thu hồ của các đối tượng tham gia đánh bạc. Trong quá trình bắt giữ, các đối tượng Phan Duy Đ1, Ninh Văn T1 và Trần Văn

L3 bỏ chạy. Đến sáng ngày 27/7/2019, Phan Duy Đ1, Ninh Văn T1 và Trần Văn L3 đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Sơn Dương đầu thú. Còn Trần Văn K2 đã đến làm việc theo triệu tập của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Sơn Dương vào ngày 30/7/2019 và khai nhận về hành vi đánh bạc vào ngày 27/7/2019 của mình tại nhà Ninh Văn L.

Quá trình điều tra Đàm Văn H, Ninh Văn Q và Ninh Văn L, Phan Duy Đ1, Ninh Văn T1, Trần Văn L3 và Trần Văn K2 khai nhận: Khoảng 23 giờ ngày 26/7/2019, các đối tượng đến nhà Ninh Văn L chơi, sau đó rủ nhau đánh bạc hình thức chơi tú lơ khơ (ba cây) sát phạt nhau bằng tiền tại gian phòng khách nhà Ninh Văn L, mức sát phạt từ 20.000 đồng trở lên. Trong đó: Đàm Văn H có 1.500.000đ sử dụng đánh bạc, khi bị bắt H đang thắng bạc và tự giác giao nộp 1.500.000đ để trong ví; Ninh Văn Q có 500.000đ sử dụng đánh bạc, khi bị bắt để tiền tại chiếu bạc và bị thu giữ; Ninh Văn L khai nhận không tham gia đánh bạc nhưng thu tiền hồ 150.000 đồng, là người đi mua bài tú lơ khơ để các đối tượng đánh bạc, đồng ý cho các đối tượng đánh bạc tại nhà mình; Phan Duy Đ1 đem theo 10.600.000 đồng, trước khi vào đánh bạc có cho Ninh Văn T1 vay số tiền 2.000.000đ, sử dụng 1.200.000đ để đánh bạc, còn 7.400.000đ để trong ví da không sử dụng để đánh bạc, khi bị bắt Đ1 đang bị thua bạc 700.000 đồng, còn 500.000 đồng để lại chiếu bạc cùng 01 ví giả da màu đen (bên trong có 01 giấy phép lái xe hạng A1, mang tên Phan Duy Đ1 và 7.400.000đ); Trần Văn L3 có 450.000đ sử dụng đánh bạc, khi bị bắt L3 đang thua bạc, để lại tiền trên chiếu bạc và bỏ chạy; Ninh Văn T1 vay của Phan Duy Đ1 2.000.000đ sử dụng đánh bạc, khi bị bắt không rõ thắng hay thua, để tiền tại chiếu bạc và bỏ chạy; Trần Văn K2 có 100.000 đồng sử dụng đánh bạc, được khoảng 20 phút thì thua hết nên đi về nhà trước. Tổng số tiền các đối tượng khai nhận sử dụng để đánh bạc là 5.750.000đ, tuy nhiên số tiền thu giữ tại chiếu bạc là 5.270.000đ và do các bị cáo giao nộp là 1.650.000đ, do vậy tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc được xác định là 6.920.000đ (Sáu triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng).

Tại cáo trạng số 120/CT-VKSSD, ngày 15/10/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương đã truy tố Đàm Văn H, Ninh Văn Q, Ninh Văn L, Phan Duy Đ1, Ninh Văn T1, Trần Văn L3, Trần Văn K2 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo theo tội danh, điều luật và đề nghị:

- Tuyên bố: Đàm Văn H, Ninh Văn Q, Ninh Văn L, Phan Duy Đ1, Ninh Văn T1, Trần Văn L3, Trần Văn K2 phạm tội: “Đánh bạc”.

- Căn cứ vào các Điều 106, 136, 331 và 333 Bộ Luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 321; Điều 58 Bộ luật Hình sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội.

- + Áp dụng các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt Trần Văn K2 từ 06 đến 09 tháng tù.

- + Áp dụng các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Ninh Văn T1, Phan Duy Đ1: Xử phạt Đàm Văn H, Phan Duy Đ1, Ninh Văn T1 mỗi bị cáo từ 07 đến 10 tháng tù cho hưởng án treo; thử thách từ 14 đến 20 tháng.

- + Áp dụng các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự; áp dụng thêm điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Ninh Văn Q; áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Văn L3: Xử phạt các bị cáo Ninh Văn Q, Trần Văn L3,

Nhịnh Văn L mỗi bị cáo từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ. Các bị cáo đã bị tạm giữ được khấu trừ thời gian tạm giữ theo quy định.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết việc xử lý vật chứng, khoản tiền án phí và tuyên quyền kháng cáo của các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho các bị cáo nhất trí với tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với các bị cáo. Đề nghị xử phạt bị cáo Đàm Văn H, Phan Duy Đ1, Nhịnh Văn T1 và Trần Văn K2 mức khởi điểm của khung hình phạt và cho hưởng án treo. Đề nghị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối các bị cáo Nhịnh Văn Q, Nhịnh Văn L, Trần Văn L3.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về việc xem xét hành vi của Đàm Văn H, Nhịnh Văn Q, Nhịnh Văn L, Phan Duy Đ1, Nhịnh Văn T1, Trần Văn L3, Trần Văn K2

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Đàm Văn H, Nhịnh Văn Q, Nhịnh Văn L, Phan Duy Đ1, Nhịnh Văn T1, Trần Văn L3, Trần Văn K2 đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố. Các bị cáo đều nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và đề nghị HĐXX xem xét cho hưởng mức án nhẹ nhất.

Như vậy có đủ cơ sở để kết luận: Hồi 00 giờ 30 phút ngày 27/7/2019, tại gian phòng khách nhà Nhịnh Văn L (thuộc thôn C, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang); các đối tượng Đàm Văn H, Nhịnh Văn Q, Trần Văn K2, Phan Duy Đ1, Trần Văn L3, Nhịnh Văn T1 có hành vi đánh bạc bằng hình thức chơi ba cây sát phạt nhau bằng tiền, mức sát phạt từ 20.000 trở lên; Nhịnh Văn L không trực tiếp tham gia đánh bạc nhưng thu 150.000 đồng tiền hồ, đi mua bộ bài và cho các đối tượng mượn nhà mình để đánh bạc. Tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là 6.920.000đ (Sáu triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng).

Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Hành vi của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, làm mất trật tự trị an tại địa phương, tham gia đánh bạc với mục đích kiếm lời. Vì vậy cần phải có hình phạt tương xứng với nhân thân, hành vi, mức độ phạm tội của mỗi bị cáo để giáo dục cải tạo các bị cáo, đồng thời phòng ngừa tội phạm chung.

Trong vụ án này, các bị cáo phạm tội với tính chất là đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc, cấu kết chặt chẽ. Các bị cáo tham gia đánh bạc với số tiền và vai trò khác nhau nên cũng cần căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hành vi để quyết định hình phạt cho phù hợp với từng bị cáo.

Tuy nhiên, HĐXX cũng xem xét cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: Quá trình điều tra và tại phiên tòa cả 07 bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo Nhịnh Văn Q có bố đẻ (ông Nhịnh Văn X) là liệt sĩ, bị cáo Nhịnh Văn T1 có bố đẻ (ông Nhịnh Văn M) được tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhất; các bị cáo Phan Duy Đ1, Trần Văn L3, Nhịnh Văn T1 ra đầu thú; bị cáo Trần Văn L3 là người tàn tật. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, khi quyết định hình phạt cần áp dụng cho phù hợp với từng trường hợp của mỗi bị cáo.

Với tính chất, mức độ của tội phạm mà các bị cáo Đàm Văn H, Ninh Văn Q, Ninh Văn L, Phan Duy Đ1, Ninh Văn T1, Trần Văn L3 thực hiện cùng với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, HĐXX thấy rằng không cần bắt các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù mà cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương là phù hợp pháp luật.

Đối với bị cáo Trần Văn K2, tuy đã bị xử phạt hành chính nhưng được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính vì tính đến ngày phạm tội lần này đã quá 06 tháng kể từ ngày được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính (bị cáo chấp hành xong quyết định xử phạt hành chính ngày 15/01/2018), ngoài ra bị cáo tham gia đánh bạc với số tiền nhỏ nhất, bị cáo có vai trò không đáng kể trong vụ án, tính chất, mức độ của tội phạm mà bị cáo thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, vì vậy HĐXX cũng thấy rằng không cần bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù mà cho bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo.

Các bị cáo đều có nghề nghiệp là làm ruộng và lao động tự do, có bị cáo thuộc hộ nghèo, cận nghèo, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo và cũng không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ.

[2] Về việc xem xét tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử.

Quá trình điều tra, truy tố các Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm do Luật định. Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, giải quyết vụ án đúng theo trình tự, thủ tục được thể hiện thông qua việc ghi chép, ghi âm, ghi hình, lập biên bản các hoạt động tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, thực hiện việc xét hỏi, tranh tụng đúng quy định tại các Điều 289, 306, 315, 320, 321, 322 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về vật chứng, án phí, quyền kháng cáo và các vấn đề khác.

- Về vật chứng:

Tổng số tiền cơ quan điều tra đã thu giữ là 14.320.000đ (trong đó 5.270.000đ thu giữ tại chiếu bạc, 1.500.000đ do Đàm Văn H giao nộp, 150.000 đồng tiền Ninh Văn L giao nộp, tổng cộng là 6.920.000đ). Số tiền 6.920.000đ là khoản tiền dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước. Đối với số tiền 7.400.000đ thu giữ trong ví giả da màu đen của bị cáo Phan Duy Đ1 không sử dụng vào việc đánh bạc nên trả cho bị cáo nhưng tạm giữ lại để đảm bảo việc thi hành án.

Ngoài ra, cơ quan điều tra còn thu giữ 36 quân bài tứ lơ khơ; 01 chiếc điều hòa có hoa văn màu vàng (là công cụ dùng vào việc phạm tội); 01 ví giả da màu vàng của bị cáo Đàm Văn H (bị cáo H không đề nghị nhận lại ví do giá trị sử dụng còn lại không đáng kể) nên cần tịch thu, tiêu hủy; thu giữ của bị cáo Phan Duy Đ1 01 ví da màu đen bên trong có 01 giấy phép lái xe hạng A1 cần tuyên trả lại cho bị cáo.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 106, 136, 331 và 333 Bộ Luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 321; Điều 58 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội.

- Áp dụng các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Đàm Văn H, Ninh Văn T1, Phan Duy Đ1 và Trần Văn K2; áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Ninh Văn T1, Phan Duy Đ1.

- Áp dụng các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Ninh Văn L, Ninh Văn Q và Trần Văn L3; áp dụng thêm điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Ninh Văn Q; áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Văn L3.

- *Tuyên bố*: Các bị cáo Đàm Văn H, Ninh Văn Q, Ninh Văn L, Phan Duy Đ1, Ninh Văn T1, Trần Văn L3, Trần Văn K2 phạm tội: “*Đánh bạc*”.

- Xử phạt bị cáo Ninh Văn T1 07 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 01 (một) năm 02 (hai) tháng; hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (19/11/2019).

- Xử phạt bị cáo Đàm Văn H 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 01 (một) năm; hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (19/11/2019).

- Xử phạt bị cáo Phan Duy Đ1 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 01 (một) năm; hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (19/11/2019).

- Xử phạt bị cáo Trần Văn K2 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 01 (một) năm; hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (19/11/2019).

Giao các bị cáo Ninh Văn T1, Phan Duy Đ1, Trần Văn K2 cho Ủy ban nhân dân xã Đ; giao bị cáo Đàm Văn H cho Ủy ban nhân dân xã T (đều thuộc huyện S, tỉnh Tuyên Quang) nơi các bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Xử phạt bị cáo Ninh Văn L 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi thời gian tạm giữ (từ ngày 27 tháng 7 năm 2019 đến ngày 04 tháng 8 năm 2019 là 09 ngày) bằng 27 (hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt là 11 (mười một) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã nơi bị cáo cư trú nhận được quyết định thi hành án và bản án có hiệu lực.

- Xử phạt bị cáo Ninh Văn Q 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi thời gian tạm giữ (từ ngày 27 tháng 7 năm 2019 đến ngày 04 tháng 8 năm 2019 là 09 ngày) bằng 27 (hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt là 08 (tám) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã nơi bị cáo cư trú nhận được quyết định thi hành án và bản án có hiệu lực.

- Xử phạt bị cáo Trần Văn L3 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã nơi bị cáo cư trú nhận được quyết định thi hành án và bản án có hiệu lực.

Giao các bị cáo Ninh Văn L, Ninh Văn Q, Trần Văn L3 cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang nơi các bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

2. Về vật chứng:

- Tịch thu số tiền 6.920.000đ (Sáu triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước.

- Trả lại cho bị cáo Phan Duy Đ1 số tiền 7.400.000 đồng (Bảy triệu bốn trăm nghìn đồng) nhưng tạm giữ lại để đảm bảo việc thi hành án.

(Số tiền tịch thu, trả lại đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Sơn Dương chuyển vào tài khoản số 3949.0.1064844.00000 là tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương mở tại Kho bạc Nhà nước huyện Sơn Dương).

- Tịch thu, tiêu hủy 36 (ba mươi sáu) quân bài tú lơ khơ; 01(một) chiếc chiếu và 01(một) chiếc ví giả da màu vàng.

- Trả lại cho bị cáo Phan Duy Đ1 01 (một) chiếc ví giả da màu đen và 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Phan Duy Đ1.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/11/2019 giữa Công an huyện Sơn Dương và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương).

3. Về án phí và quyền kháng cáo:

Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại các biên lai số 0001805, 0001806, 0001807, 0001808, 0001809, 0001849, 0001850 ngày 08/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương. Ghi nhận các bị cáo đã nộp xong khoản tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Trại giam Công an tỉnh TQ;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Công an huyện Sơn Dương;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện SD;
- UBND các xã T; Đ;
- Bị cáo;
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ma Thị Tuyết Mai